

Số: 70/2017/QĐST - DS
V/v: Tranh chấp dân sự hợp đồng
“vay tài sản”

An Minh, ngày 03 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 84/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Trương Văn C**, sinh năm: 1981.

Chị **Trần Thị C1**, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: Ấp M.C, xã V.K.Đ, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh **Đặng Văn K**, sinh năm: 1976

và chị **Châu Thị Ph**, sinh năm: 1974

Cùng địa chỉ: Ấp M.Đ, xã V.K, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Anh Trương Văn C, chị Trần Thị C1 và anh Đặng Văn K, chị Châu Thị P xác nhận, hiện nay anh K và chị P còn nợ anh C, chị C1 số tiền gốc là 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 44.986.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng*). Tổng cộng gốc và lãi là 184.986.000 đồng (*Một trăm tám mươi bốn triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

* Hai bên thống nhất và thoả thuận cách trả nợ như sau:

1/ Ngày 06/8/2017, vợ chồng anh K, chị P trả cho chị C1, anh C số tiền gốc là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

2/ Ngày 06/9/2017, vợ chồng anh K, chị P trả cho chị C1, anh C số tiền gốc là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

3/ Ngày 06/10/2017, vợ chồng anh K, chị P trả cho chị C1, anh C số tiền gốc là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

4/ Ngày 06/11/2017, vợ chồng anh K, chị P trả cho chị C1, anh C số tiền lãi là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

5/ Ngày 27/01/2018, vợ chồng anh K, chị P trả cho chị C1, anh C số tiền gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

6/ Ngày 27/7/2018, vợ chồng anh K, chị P trả cho chị C1, anh C số tiền gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

7/ Ngày 27/10/2018, vợ chồng anh K, chị P trả cho chị C1, anh C số tiền lãi là 34.986.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) là hết nợ.

Ngay sau khi anh K, chị P thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho anh C, chị C1 thì anh C, chị C1 có trách nhiệm trả lại giấy CNQSD đất số BV128785 do anh Đặng Văn K đứng tên, được UBND huyện A.M cấp ngày 27/12/2014 cho anh K, chị P.

Nếu anh K, chị P vi phạm thời gian trả tiền thì anh C, chị C1 có quyền yêu cầu thi hành án một lần đối với tổng số tiền còn lại và có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (như 02 tờ giấy thế chấp ngày 27/6/2015 và ngày 17/11/2015) của anh K, chị P theo giấy CNQSD đất số BV128785 được UBND huyện A.M cấp ngày 27/12/2014 do anh Đặng Văn K đứng tên để đảm bảo việc thi hành án.

Kể từ ngày chị Trần Thị C1 và anh Trương Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đặng Văn K và chị Châu Thị P không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng anh K, chị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về án phí có giá ngạch:

$184.986.000 \text{ đồng} \times 5\% \times 50\% = 4.624.650 \text{ đồng}$ (*Bốn triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi đồng*). Hòa giải thành, các đương sự thỏa thuận:

- Anh Đặng Văn K và chị Châu Thị P tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 4.624.650 đồng (*Bốn triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi đồng*).

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh Trương Văn C (*trong biên lai thu ghi tên Dương Văn C*) và chị Trần Thị C1 số tiền là 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000285 ngày 17/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.M, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự.
- VKSND cùng cấp.
- Lưu HS vụ án

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh